

Công khai tài chính ngày 28/4/2026

STT	Tên thực phẩm	Khu Trung Tâm			Khu Lễ		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	94 Xuất X 20.000 = 1.880.000			68 Xuất x 20.000 = 1.360.000			
1	Chuối tiêu	9.4	23,000	216,200	6.8	23,000	156,400
2	Cá chép	1	75,000	75,000	0.5	75,000	37,500
3	Miến dong	1.6	68,000	108,800	1.1	68,000	74,800
4	Rau ngót	2.2	48,000	105,600	1.5	48,000	72,000
5	Thịt lợn	3.4	145,000	493,000	2.6	145,000	377,000
6	Tôm biển	1.1	335,000	368,500	0.8	335,000	268,000
7	Xương sườn lợn	1.7	130,000	221,000	1.2	130,000	156,000
8	Hành hoa	0.1	40,000	4,000	0.1	40,000	4,000
9	Rau mùi	0.1	35,000	3,500	0.1	35,000	3,500
10	Gừng khô	0.1	32,000	3,200	0.1	32,000	3,200
11	Hành khô	0.1	32,000	3,200	0.1	32,000	3,200
12	Gas+NRB	94	1,100	103,400	68	1,100	74,800
13	Gạo tẻ BC	7.2	20,000	144,000	5.3	20,000	106,000
14	Nước mắm	0.2	23,000	4,600	0.1	23,000	2,300
15	Muối BC	0.2	23,000	4,600	0.1	23,000	2,300
16	Dầu ăn Netur 5L	0.29	75,000	21,400	0.25	75,000	19,000
	Tổng			1,880,000			1,360,000